

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 30

044
CÔN
NH
C M
C VI
T P

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Domenal (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Domenal (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400641835 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2008 và được thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trụ sở chính và nhà máy:

- Địa chỉ : Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.
- Điện thoại : 0277 3 890 711
- Fax : 0277 3 890 717

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm (chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.);
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón, các loại hóa chất.);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản; bán buôn thuốc bảo vệ thực vật.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Võ Đình Ân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên
Ông Võ Đình Hải	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/04/2019)
Ông Phạm Văn Châu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/04/2019)

Ban Kiểm soát

Họ và Tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Ngọc Yến	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
Bà Trần Thuý Vân	Thành viên

Tổng Giám đốc

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Hà	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên

Chức vụ

Ông Nguyễn Thanh Hà

Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Công bố các báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Ông NGUYỄN THANH HÀ

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 03 năm 2020



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

PKF

Accountants &
business advisers

Số: 119/2020/BCKT-HCM.00247

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Domenal (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02 tháng 03 năm 2020, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ, mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như được trình bày tại mục 5.3 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng quá hạn chưa thanh toán, dẫn đến khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn" (Mã số 130) trên Bảng cân đối kế toán đang được phản ánh theo giá gốc thay vì phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Việc ghi nhận như vậy là không tuân thủ Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu phản ánh theo giá trị thuần có thể thu hồi được thì khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn" (Mã số 130) trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm lập sẽ giảm đi 31.938.076.533 VND. Đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" (Mã số 26) sẽ tăng thêm 31.938.076.533 VND, và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" (Mã số 60) cũng sẽ giảm đi một khoản tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

- Như được trình bày tại mục 5.5 của Thuyết minh báo cáo tài chính, đến ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi vẫn chưa nhận được thư xác nhận số dư khoản Phải thu ngắn hạn khác với số tiền 2.753.366.894 VND. Và với những tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi cũng không thể kiểm tra tính hợp lý, sự hiện hữu của các khoản công nợ trên được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Domenal tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ THANH MINH
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2020

LÊ NGỌC HẢI
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0179-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		277.260.170.591	262.648.022.456
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.150.683.053	30.911.165
Tiền	111	5.1	5.150.683.053	30.911.165
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		420.000.000	2.420.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	420.000.000	2.420.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		247.084.915.769	235.852.333.118
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	173.349.978.238	146.816.934.180
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	45.035.873.960	35.844.886.852
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	28.699.063.571	53.190.512.086
Hàng tồn kho	140	5.6	22.608.943.776	22.342.562.368
Hàng tồn kho	141		22.608.943.776	22.342.562.368
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.995.627.993	2.002.215.805
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	131.987.063	20.861.289
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.863.640.930	1.981.354.516
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		76.777.054.966	82.262.355.914
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		44.372.909.049	49.504.570.231
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	33.839.073.884	38.970.735.066
Nguyên giá	222		81.297.547.821	81.297.547.821
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.458.473.937)	(42.326.812.755)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	10.533.835.165	10.533.835.165
Nguyên giá	228		10.563.835.165	10.563.835.165
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.000.000)	(30.000.000)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	3.112.369.467
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	3.112.369.467
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2.2	29.400.000.000	29.400.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		29.400.000.000	29.400.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		3.004.145.917	245.416.216
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	3.004.145.917	245.416.216
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		354.037.225.557	344.910.378.370


CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		212.437.007.228	215.313.262.296
Nợ ngắn hạn	310		212.437.007.228	215.313.262.296
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	23.018.570.448	25.634.783.029
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	4.955.342.473	6.394.494.904
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	1.748.469.676	433.666.458
Phải trả người lao động	314		638.385.605	272.755.610
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	356.433.702	759.635.183
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	1.725.347.732	1.825.449.180
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	179.994.457.592	179.992.477.932
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		141.600.218.329	129.597.116.074
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	141.600.218.329	129.597.116.074
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		799.603.018	799.603.018
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.800.615.311	3.797.513.056
LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		3.797.513.056	4.647.840.002
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.003.102.255	(850.326.946)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		344.037.225.557	344.910.378.370


NGUYỄN NGỌC YẾN
 Người lập biểu


NGUYỄN THỊ KIỀU
 Kế toán trưởng


NGUYỄN THANH HÀ
 Tổng Giám đốc
 Đồng Tháp, ngày 02 tháng 03 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		693.121.096.559	589.890.105.598
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.327.648.000	983.395.000
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	690.793.448.559	588.906.710.598
Giá vốn hàng bán	11	6.2	661.486.396.487	569.567.405.952
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.307.052.072	19.339.304.646
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.826.161.846	469.733.835
Chi phí tài chính	22	6.4	11.940.662.377	11.297.449.367
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		11.940.662.377	11.297.449.367
Chi phí bán hàng	25		35.500.000	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	6.807.785.636	8.379.285.872
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.349.265.905	132.303.242
Thu nhập khác	31	6.6	890.000.000	234.074.168
Chi phí khác	32	6.7	488.055.844	783.219.279
Lợi nhuận/ (lỗ) khác	40		401.944.156	(549.145.111)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.751.210.061	(416.841.869)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.12	1.748.107.806	433.485.077
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.003.102.255	(850.326.946)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	960	(68)



NGUYỄN NGỌC YẾN
Người lập biểu



NGUYỄN THỊ KIỀU
Kế toán trưởng



NGUYỄN THANH HÀ
Tổng Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 02 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

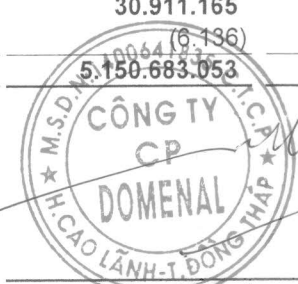
	Mã số	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	13.751.210.061	(416.841.869)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.131.661.182	5.353.531.859
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	-	-
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.136	488.060
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(32.829.471)	(1.659.269)
Chi phí lãi vay	06	11.940.656.241	11.103.496.742
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	30.790.704.149	16.039.015.523
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(11.114.869.065)	(10.085.520.879)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(266.381.408)	1.402.741.585
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.084.954.811)	(1.431.631.875)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(2.869.855.475)	401.712.738
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(11.917.847.609)	(11.103.496.742)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(433.446.888)	(164.784.276)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	3.103.348.893	(4.941.963.926)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(193.935.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(420.000.000)	(420.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.420.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	32.829.471	1.659.269
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.032.829.471	(612.275.731)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	510.728.087.998	540.653.050.241
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(510.726.108.338)	(539.917.834.707)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.380.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(16.400.340)	735.215.534
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	5.119.778.024	(4.819.024.123)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	30.911.165	4.850.423.348
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(6.136)	(488.060)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	5.150.683.053	30.911.165

nguyen

NGUYỄN NGỌC YẾN
Người lập biểu

Kel

NGUYỄN THỊ KIỀU
Kế toán trưởng



NGUYỄN THANH HÀ
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Domenal (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400641835 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2008 và được thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản; bán buôn thuốc bảo vệ thực vật.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Trong năm, Công ty có 01 công ty liên kết được chi tiết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát	Lô 6A, đường Trục Chính, Khu công nghiệp Trà Nóc 1, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	49%	49%	49%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng số nhân viên của Công ty là 66 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 60 người).

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND). Do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định hữu hình. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	09 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị văn phòng	04
Tài sản cố định khác	04

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.15 Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 15% lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh; thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng thuế suất phổ thông (20%) cho thời gian còn lại.
- Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.17 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan.

Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

4.19 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý

Công ty sau đây được xem là các bên liên quan:

Công ty	Quan hệ
Công ty Cổ phần Thủy Sản Trường Phát	Công ty liên kết

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Công ty (gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Cổ đông Công ty).

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	9.121.620	626.809
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	5.136.226.951	24.633.903
- USD	5.334.482	5.650.453
	5.150.683.051	30.911.165

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng - USD	230,88	5.334.482

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Trái phiếu ngân hàng	420.000.000	420.000.000	420.000.000	420.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
	420.000.000	420.000.000	2.420.000.000	2.420.000.000

5.2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**Đầu tư vào công ty liên kết**

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Thủy Sản Trường Phát (*)	29.400.000.000	-	(**)	29.400.000.000	-	(**)
	29.400.000.000	-	(**)	29.400.000.000	-	(**)

(*) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy Sản Trường Phát, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với số lượng là 2.940.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/Cổ phần, giá trị của khoản đầu tư là 29.400.000.000 VND để nắm giữ 49% vốn điều lệ của công ty này. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Thủy Sản Trường Phát là: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

(**) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Thủy Sản Trường Phát	23.675.822.259	52.282.116.133
Các tổ chức và cá nhân khác		
Ông Nguyễn Lê Duy Linh	54.945.264.200	-
Ông Nguyễn Văn Hồng	16.599.964.048	-
Hợp tác xã Nuôi trồng Thủy sản Thốt Nốt	3.523.387.050	13.533.387.050
Hợp tác xã Thủy sản Tân Phát	-	12.208.705.095
Các khách hàng khác (*)	74.605.540.681	68.792.725.902
	173.349.978.238	146.816.934.180

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán chưa được lập dự phòng với số tiền ước tính là 31.938.076.533 VND.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Các tổ chức khác		
Ông Nguyễn Chí Nghĩa	30.600.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Viễn	6.500.000.000	6.500.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Đức Hy	4.195.273.960	24.548.676.560
Bà Vương Quế Anh	3.000.000.000	4.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	740.600.000	796.210.292
	45.035.873.960	35.844.886.852

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan				
Ông Võ Đình Hải	-	-	30.600.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu từ các cổ đông Công ty (*)	25.895.066.177	-	19.587.409.992	-
Tạm ứng án phí	44.130.500	-	178.735.200	-
Phải thu khác (**)	2.753.366.894	-	2.753.366.894	-
Tạm ứng nhân viên	6.500.000	-	71.000.000	-
	28.699.063.571	-	53.190.512.086	-

(*) Đây là khoản nợ phải thu đang chờ xử lý về bán hàng hoá cho các cổ đông của Công ty, các cổ đông này đã thế chấp cổ phiếu cho Công ty để đảm bảo thanh toán các khoản nợ này.

(**) Đây là khoản phát sinh từ trước năm 2013. Hiện tại Công ty không còn đủ hồ sơ và chứng từ hỗ trợ để thu hồi khoản công nợ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	16.471.203.258	-	3.247.272.062	-
Công cụ, dụng cụ	803.532.613	-	490.584.577	-
Thành phẩm	5.334.207.905	-	3.827.602.230	-
Hàng gửi đi bán	-	-	14.777.103.499	-
	22.608.943.776	-	22.342.562.368	-

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí sửa chữa	118.827.048	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	13.160.015	20.861.289
	131.987.063	20.861.289

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí sửa chữa, xây dựng	2.593.468.661	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	410.677.253	245.416.216
	3.004.145.917	245.416.216

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.8 Tình hình tăng/giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản Khác VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	58.319.083.985	17.580.938.940	3.841.081.696	956.443.200	600.000.000	81.297.547.821
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	58.319.083.985	17.580.938.940	3.841.081.696	956.443.200	600.000.000	81.297.547.821
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2019	26.016.293.237	12.016.999.223	3.013.039.629	767.525.449	512.955.217	42.326.812.755
Khấu hao trong năm	2.856.891.552	1.698.784.236	300.022.860	188.917.751	87.044.783	5.131.661.182
Tại ngày 31/12/2019	28.873.184.789	13.715.783.459	3.313.062.489	956.443.200	600.000.000	47.458.473.937
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2019	32.302.790.748	5.563.939.717	828.042.067	188.917.751	87.044.783	38.970.735.066
Tại ngày 31/12/2019	29.445.899.196	3.865.155.481	528.019.207	-	-	33.839.073.884

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2019	-	1.882.387.940	2.007.226.169	-	-	3.889.614.109
Tại ngày 31/12/2019	-	1.882.387.940	2.007.226.169	956.443.200	600.000.000	5.446.057.309

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định hữu hình bao gồm nhà cửa vật kiến trúc được thế chấp tại Ngân hàng BIDV để đảm bảo cho các khoản vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01./1/2015/8149071/HĐBĐ ngày 16 tháng 12 năm 2015 với giá trị còn lại là 33.839.073.884 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 38.970.735.066 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.9 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2019	10.533.835.165	30.000.000	10.563.835.165
Tại ngày 31/12/2019	10.533.835.165	30.000.000	10.563.835.165
Giá trị hao mòn			
Tại ngày 01/01/2019	-	30.000.000	30.000.000
Tại ngày 31/12/2019	-	30.000.000	30.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2019	10.533.835.165	-	10.533.835.165
Tại ngày 31/12/2019	10.533.835.165	-	10.533.835.165

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2019	-	30.000.000	30.000.000
Tại ngày 31/12/2019	-	30.000.000	30.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 tài sản cố định vô hình được thế chấp tại Ngân hàng BIDV để đảm bảo cho các khoản vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01.1/2015/8149071/HĐBĐ ngày 16 tháng 12 năm 2015 với giá trị còn lại là 10.533.835.165 VND.

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty TNHH TM Hương Trinh	3.661.543.000	-
Ông Lý Thanh Sang	3.222.788.000	-
Ông Nguyễn Chí Nghĩa	3.131.456.000	-
Công ty TNHH MTV Châu Ngọc	360.560.000	2.762.690.000
Nguyễn Nhật Triết	-	5.444.454.000
Công ty TNHH Richcom	-	3.872.300.000
Nguyễn Văn Mừng	-	2.800.000.000
Các nhà cung cấp khác	12.642.223.448	10.755.39.029
	23.018.570.448	25.634.783.029

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Các tổ chức và cá nhân khác		
Ông Võ Minh Tuấn	1.445.276.250	-
Ông Nguyễn Văn Mừng	1.240.508.677	5.762.714.235
Ông Phạm Thanh Trà	979.030.000	-
Bà Hồ Thị Kim Thoa	599.689.210	618.825.533
Các khách hàng khác	690.838.336	12.955.136
	4.955.342.473	6.394.494.904

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.12 Thuế và các khoản phải nộp

	01/01/2019	Số phát sinh trong năm		31/12/2019
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	433.446.888	1.748.107.806	(433.446.888)	1.748.107.806
Thuế thu nhập cá nhân	156.750	3.189.173	(1.189.173)	156.750
Thuế tài nguyên	62.820	5.028.155	(4.885.855)	205.120
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Thuế đất	-	8.435.996	(8.435.996)	-
	443.666.458	1.767.761.130	(452.957.912)	1.748.469.676

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp "TNDN"

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000031 ngày 08 tháng 05 năm 2008 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 15% lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh; thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng thuế suất phổ thông (20%) cho thời gian còn lại.
 - Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Sau thời gian ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% cho các năm tiếp theo.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.751.216.197	(416.841.869)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	4.659.881.339	5.065.256.463
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	18.411.097.536	4.648.414.594
Trong đó:		
- Thu nhập chịu thuế suất 15%	15.472.893.610	3.969.888.247
- Thu nhập chịu thuế suất 20%	2.938.203.926	678.526.347
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.748.107.806	433.485.077

Các loại thuế khác:

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí lãi vay	216.273.197	193.464.565
Tiền điện	140.160.505	222.949.996
Lương tháng 13	-	343.220.622
	356.433.702	759.635.183

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải trả cho bên liên quan		
Phải trả Ông Võ Đình Hải	1.517.264.942	247.148.291
Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát	-	1.342.781.741
Phải trả cho các tổ chức và cá nhân khác		
Phải trả cổ tức cho cổ đông	-	18.380.000
Kinh phí công đoàn	154.082.790	181.139.148
Phải trả các đối tượng khác	54.000.000	36.000.000
	1.725.347.732	1.825.449.180

5.15 Vay ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác				
Vay Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chiểu	179.994.457.592	179.994.457.592	179.992.477.932	179.992.477.932
	179.994.457.592	179.994.457.592	179.992.477.932	179.992.477.932

Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chiểu theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/8149071/HĐTD ngày 31/10/2019, chi tiết như sau:

Mục đích vay	: Bỏ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C.
Thời hạn vay	: 12 tháng từ ngày 31/10/2019.
Lãi suất vay	: Lãi suất được áp dụng theo từng giấy nhận nợ từ 6,5%/năm đến 7,9%/năm.
Hình thức đảm bảo	: Đảm bảo bằng bất động sản và các tài sản BIDV chấp thuận xem thêm mục 5.8 và 5.9.
Dư nợ ngày 31/12/2019	: 179.994.457.592 VND

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2019 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2019 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	179.992.477.932	510.728.087.998	(510.726.108.338)	179.994.457.592
	179.992.477.932	510.728.087.998	(510.726.108.338)	179.994.457.592

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.16 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2018	125.000.000.000	799.603.018	4.647.840.002	130.447.443.020
Lỗi trong năm	-	-	(850.326.946)	(850.326.946)
Số dư 31/12/2018	125.000.000.000	799.603.018	3.797.513.056	129.597.116.074
Số dư 01/01/2019	125.000.000.000	799.603.018	3.797.513.056	129.597.116.074
Lãi trong năm	-	-	12.003.108.391	12.003.108.391
Số dư 31/12/2019	125.000.000.000	799.603.018	15.800.621.447	141.600.224.465

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400641835 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2008 và được thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2019		01/01/2019	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Ông Võ Đình Ân	38.573.000.000	31%	30.573.000.000	24%
Ông Võ Đình Hải	16.990.200.000	14%	16.990.200.000	14%
Các cổ đông khác (*)	69.436.800.000	56%	77.436.800.000	62%
	125.000.000.000	100%	125.000.000.000	100%

(*) Trong đó, số lượng cổ phiếu có giá trị 19.587.400.000 VND đã được các cổ đông thế chấp cho Công ty để đảm bảo các khoản nợ - xem thêm mục 5.5.

Cổ phiếu

	31/12/2019	31/12/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

5.17 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2019	01/01/2019
Đô la Mỹ (USD)	230,88	244,08

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	337.975.512.177	263.400.658.508
Doanh thu bán thành phẩm	345.282.881.521	326.489.447.090
Doanh thu gia công	9.862.702.861	-
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(2.327.648.000)	(882.998.000)
Giảm giá hàng bán	-	(100.397.000)
Doanh thu thuần	690.793.448.559	588.906.710.598

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn bán hàng hóa	337.605.039.623	260.029.988.420
Giá vốn bán thành phẩm	323.881.356.864	309.537.417.532
	661.486.396.487	569.567.405.952

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi	783.471	1.659.269
Lãi trái phiếu	32.046.000	-
Lãi bán hàng trả chậm	2.793.332.375	468.074.566
	2.826.161.846	469.733.835

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	11.940.656.241	11.296.961.307
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có số dư ngoại tệ cuối năm	6.136	488.060
	11.940.662.377	11.297.449.367

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	818.690.572	1.460.938.361
Chi phí khấu hao	332.590.588	388.947.351
Chi phí xử lý công nợ	3.172.640.330	4.058.209.902
Chi ủng hộ địa phương	12.000.000	12.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.471.864.146	2.459.190.258
	6.807.785.636	8.379.285.872

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Phí kiểm kháng sinh	160.000.000	-
Thu nhập khác	730.000.000	234.074.168
	890.000.000	234.074.168

6.7 Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi chậm thanh toán	440.508.360	-
Xử lý công nợ	3.243.165	736.612.884
Tiền án phí	18.504.032	43.500.000
Lãi phạt chậm nộp BHXH	6.032.995	-
Chi phí khác	19.767.292	3.106.395
	488.055.844	783.219.279

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.003.108.391	(850.326.946)
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.003.108.391	(850.326.946)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.500.000	12.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	960	(68)

6.9 Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	320.911.052.293	297.065.688.084
Chi phí nhân viên	5.305.162.420	4.651.823.414
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.131.661.182	5.353.531.859
Chi phí xử lý công nợ	3.172.640.330	4.058.209.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	485.351.153	801.413.964
Chi phí bằng tiền khác	14.294.038.984	12.384.455.963
	349.299.906.362	324.315.123.186

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2019	Năm 2018
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	510.728.087.998	540.653.050.241
	510.728.087.998	540.653.050.241

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2019	Năm 2018
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	510.726.108.338	539.917.834.707
	510.726.108.338	539.917.834.707

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Ngoài ra, nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên.

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Các khoản vay và nợ	179.994.457.592	-	179.994.457.592
Phải trả người bán	23.018.570.448	-	23.018.570.448
Chi phí phải trả	356.433.702	-	356.433.702
Các khoản phải trả khác	1.571.264.942	-	1.571.264.942
	204.940.726.684	-	204.940.726.684
Ngày 31 tháng 12 năm 2018			
Các khoản vay và nợ	179.992.477.932	-	179.992.477.932
Phải trả người bán	25.634.783.029	-	25.634.783.029
Chi phí phải trả	716.414.561	-	716.414.561
Các khoản phải trả khác	1.644.310.032	-	1.644.310.032
	207.987.985.554	-	207.987.985.554

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố bất động sản của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.8 và 5.9). Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2019 và 31/12/2018.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng – Bên liên quan	23.675.822.259	52.282.116.133	23.675.822.259	52.282.116.133
Phải thu khách hàng – Tổ chức và cá nhân khác	149.674.155.979	94.534.818.047	149.674.155.979	94.534.818.047
Phải thu khác	59.292.563.571	53.119.512.086	59.292.563.571	53.119.512.086
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	420.000.000	2.420.000.000	420.000.000	2.420.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.150.683.053	30.911.165	5.150.683.053	30.911.165
Tổng cộng	238.213.224.862	202.387.357.431	238.213.224.862	202.387.357.431

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	179.994.457.592	179.992.477.932	179.994.457.592	179.992.477.932
Phải trả người bán – Tổ chức và cá nhân khác	23.018.570.448	25.634.783.029	23.018.570.448	25.634.783.029
Chi phí phải trả	356.433.702	759.635.183	356.433.702	759.635.183
Các khoản phải trả khác	1.571.264.942	1.644.310.032	1.571.264.942	1.644.310.032
Tổng cộng	204.940.726.684	208.031.206.176	204.940.726.684	208.031.206.176

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lương và thưởng	216.120.000	216.140.000

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Công ty Cổ phần Thủy Sản Trường Phát	Bán hàng hóa	280.300.762.043	173.946.841.720
	Phải trả tiền mua hàng hóa	251.694.468.169	170.690.314.018
	Bán nguyên vật liệu	-	2.203.492.000
	Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	-	2.203.492.000
Ông Võ Đình Hải	Trả tiền mượn	(29.165.673.819)	(692.242.745)
	Mượn tiền	29.093.008.729	-

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các công ty có liên quan:

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty Cổ phần Thủy Sản Trường Phát	Mượn tiền	-	1.342.781.741
	Phải thu thương mại	23.675.822.259	52.282.116.133
Ông Võ Đình Hải	Phải trả tiền vay	(1.517.264.942)	(247.148.291)
	Vay tiền	30.600.000.000	30.600.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

8.2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản và ở khu vực địa lý duy nhất là tỉnh Đồng Tháp.

8.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



NGUYỄN NGỌC YẾN
Người lập biểu



NGUYỄN THỊ KIỀU
Kế toán trưởng



The stamp is circular with the text: "M.S.D.N: 1400641835-C.T.C.P", "CÔNG TY CP DOMENAL", and "H. CAO LÃNH - T. ĐỒNG THÁP".

NGUYỄN THANH HÀ
Tổng Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 02 tháng 03 năm 2020